

Số: 1227/2020/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 22 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1139/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2020, về việc “Ly hôn” giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi T M, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Nhà số B12/20A ấp 2, xã T Q T, huyện B C, Thành phố H

Bị đơn: Ông Phạm Q T, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Nhà số B12/20A ấp 2, xã T Q T, huyện B C, Thành phố H.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: bà Bùi T M và ông Phạm Q T thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyển số 01/2010 của Ủy ban nhân dân xã T Q T, huyện B C, Thành phố H cấp ngày 26/01/2010 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: bà M, ông T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: bà M, ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà M, ông T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án: bà Bùi T M và ông Phạm Q T mỗi bên phải chịu án phí hôn nhân qua đình sơ thẩm là 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Hai bên thoả thuận bà Bùi T M chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0080306 ngày 28/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B C. Hoàn lại cho bà Muội số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: (12)

- VKSND B C;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; VT.

THẨM PHÁN

Âu Gia Vượng